

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 674/2021/KDTM-PT

Ngày: 07-12-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tiền gửi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Quốc Thịnh

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Bà Vũ Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Định – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 07 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 138/2020/TLPT-KDTM ngày 31 tháng 8 năm 2020 về: “Tranh chấp đòi lại sổ tiết kiệm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 478/2020/KDTM-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3821/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Trần Hoài Ph, sinh năm 1986

Địa chỉ: 190/7 đường NTL, phường T, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1985

Địa chỉ: 67/25B đường 38, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Bà Ngô Bích Thùy Tr, sinh năm 1979

Địa chỉ: 4/3 khu phố BH, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, bà Tr, ông Ph: Ông Phùng Thế H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D, bà Tr, ông Ph: Bà Kiều Vũ Thụy U.

2. Bị đơn: Ngân hàng TNHH X

Địa chỉ: 145-147-149 đường HV, phường H, thành phố TA, tỉnh Long An.

Địa chỉ liên lạc: 10 đường LTT, phường BN, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Các ông/bà Nguyễn Lê Phương T, Trần Thị Hồng A, Nguyễn Văn S, Lê Hồng H1, Lâm Quốc T1, Phan Thị Thùy D1, Lê Nhất T2, Trần Thị H2; Cùng địa chỉ liên hệ: 10 đường LTT, phường BN, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Minh Vũ; Luật sư của Công ty Luật TNHH Hoàn Kiếm thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng Việt Nam là bị đơn.

(Ông H, bà U, ông T1 và ông V có mặt tại phiên tòa; ông H1, bà D1 có mặt ngày 02/12/2021; bà H2 có mặt ngày 07/12/2021)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện:

** Các nguyên đơn bà Ngô Bích Thuỳ Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Trần Hoài Ph có ông Phùng Thế H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà Ngô Bích Thuỳ Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Trần Hoài Ph có gửi 06 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng TNHH X – Chi nhánh SG (tên cũ là Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh SG – sau đây gọi là Ngân hàng X), bao gồm:

- Bà Ngô Bích Thuỳ Tr có 02 sổ tiết kiệm gồm: CKH 052272, số tiền gửi là 50.000.000.000 đồng và CKH 052273, số tiền gửi là 60.000.000.000 đồng. Hai sổ tiết kiệm của bà Tr có cùng ngày gửi là 19/12/2013, kỳ hạn 12 tháng, hình thức nhận lãi là hàng tháng, lãi suất 11%/năm.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ D có 03 sổ tiết kiệm gồm: CKH 052274, số tiền gửi là 2.534.722.000 đồng; CKH 052275, số tiền gửi là 100.000.000.000 đồng; CKH 052278, số tiền gửi là 1.000.000.000 đồng. Ba sổ tiết kiệm của bà D có cùng ngày gửi là 19/12/2013, kỳ hạn 12 tháng, hình thức nhận lãi là hàng tháng, lãi suất 11%/năm.

- Ông Trần Hoài Ph có 01 sổ tiết kiệm số CKH 052277, số tiền gửi là 90.000.000.000 đồng, ngày gửi là 19/12/2013, kỳ hạn 12 tháng, hình thức nhận lãi là hàng tháng, lãi suất 11%/năm.

Bà Tr, bà D và ông Ph giao 06 sổ tiết kiệm nêu trên cho Ngân hàng X dự kiến để vay vốn nhưng sau đó các ông bà không vay nữa. Sau đó, bà Tr, bà D và ông Ph yêu cầu ngân hàng trả lại các sổ tiết kiệm nhưng ngân hàng không trả. Dù bà Tr, bà D và ông Ph không vay tiền, không cầm cố các sổ tiết kiệm nêu trên nhưng Ngân hàng X lại cho rằng các sổ tiết kiệm của bà Tr, bà D và ông Ph đang đảm bảo cho một số khoản vay tại ngân hàng.

Ngày 20/10/2014 và ngày 21/10/2014, bà Tr, bà D, ông Ph có đơn khởi kiện Ngân hàng X tại Tòa án nhân dân Quận 3, với yêu cầu buộc Ngân hàng X giao trả 06 sổ tiết kiệm nêu trên. Ngày 23/10/2014, đơn khởi kiện của bà Tr, bà

D, ông Ph được Toà án nhân dân Quận 3 thụ lý. Ngày 10/3/2015, Toà án nhân dân Quận 3 đã ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, với lý do cần đợi kết quả thu thập chứng cứ của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an.

Hiện nay, Bản án hình sự sơ thẩm số 332/2016/HSST ngày 09/9/2016 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT ngày 24/01/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án Phạm Công Z đã xác định bà Tr, bà D, ông Ph không phải là người vay và cầm cố 06 sổ tiết kiệm trên để đảm bảo cho các khoản vay vào ngày 20 và 21/12/2013 tại Ngân hàng X.

Bản án hình sự sơ thẩm số 332/2016/HSST và Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT đã quyết định “*Giải toả kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng X tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần Quý Z1, bà Trần Ngọc Z2 và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 theo đúng quy định pháp luật*”. Trong 124 sổ tiết kiệm này, có 06 sổ tiết kiệm số CKH 052272, CKH 052273, CKH 052274, CKH 052275, CKH 052277 và CKH 052278 của bà Tr, bà D, ông Ph.

Sau khi có Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT, bà Tr, bà D và ông Ph đã có nhiều văn bản yêu cầu Ngân hàng X cung cấp thông tin, thông báo cho bà Tr, bà D ông Ph việc “giải quyết, xử lý” theo quy định pháp luật với các sổ tiết kiệm của bà Tr, bà D, ông Ph. Đồng thời, yêu cầu Ngân hàng X cung cấp cho bà Tr, bà D và ông Ph thông tin chi tiết số tiền vay (nếu có) được bảo đảm bằng các sổ tiết kiệm, căn cứ pháp lý của việc bảo đảm bằng sổ tiết kiệm, số tiền gốc, tiền lãi, lãi suất, thời gian, phương thức, cách thức tính lãi đối với các sổ tiết kiệm và trả cho bà Tr, bà D, ông Ph đầy đủ tiền gốc, tiền lãi của 06 sổ tiết kiệm trên. Ngân hàng X cũng cam kết chậm nhất là ngày 07/4/2017 sẽ cung cấp cho khách hàng số liệu 124 sổ tiết kiệm, trong đó có 06 sổ tiết kiệm của bà Tr, bà D, ông Ph. Nhưng suốt hơn hai năm qua Ngân hàng X không cung cấp thông tin cho bà Tr, bà D và ông Ph theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của bà Tr, bà D và ông Ph và cam kết của chính Ngân hàng X.

Đến ngày 23/5/2019, bà Tr, bà D và ông Ph mới nhận được Bảng kê tính lãi 124 sổ tiết kiệm, trong đó có 06 sổ tiết kiệm đứng tên bà Tr, bà D và ông Ph. Tuy nhiên, đến nay Ngân hàng X vẫn chưa trả đầy đủ tiền gốc và tiền lãi của 06 sổ tiết kiệm cho bà Tr, bà D, ông Ph. Ngày 25/11/2009 bà Tr, bà D và ông Ph có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Ngân hàng X trả đầy đủ tiền gốc và lãi của 06 sổ tiết kiệm nêu trên cho bà Tr, bà D và ông Ph.

Nay bà Tr, bà D và ông Ph yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Ngân hàng X trả cho bà Tr, bà D, ông Ph đầy đủ tiền gốc, tiền lãi của 06 sổ tiết kiệm số CKH 052272, CKH 052273, CKH 052274, CKH 052275, CKH 052277, CKH 052278 tính đến ngày 09/7/2020 và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất ghi trên sổ tiết kiệm kể từ ngày 10/7/2020 đến ngày Ngân hàng X thực trả đầy đủ cho bà Tr, bà D, ông Ph, chi tiết số tiền của từng người như sau:

- Ông Trần Hoài Ph: 01 sổ tiết kiệm số CKH 052277 với tổng số tiền là: 143.138.930.821 đồng (trong đó gốc là 90.000.000.000 đồng, tiền lãi chưa trả tạm tính đến ngày 09/7/2020 là 53.138.930.821 đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất ghi trên sổ tiết kiệm kể từ ngày 10/7/2020 đến ngày ngân hàng trả đầy đủ cho ông Ph.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ D: 03 sổ tiết kiệm số CKH 052274, CKH 052275, CKH 052278 với tổng số tiền là 164.664.993.443 đồng (trong đó gốc là 103.534.722.000 đồng, tiền lãi chưa trả tạm tính đến ngày 09/7/2020 là 61.130.271.443 đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất ghi trên sổ tiết kiệm kể từ ngày 10/7/2020 đến ngày ngân hàng trả đầy đủ cho bà D.

- Bà Ngô Bích Thùy Tr: 02 sổ tiết kiệm số CKH 052272, CKH 052273 với tổng số tiền là 174.947.582.117 đồng (trong đó gốc là 110.000.000.000 đồng, tiền lãi chưa trả tạm tính đến ngày 09/7/2020 là 64.947.582.117 đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất ghi trên sổ tiết kiệm kể từ ngày 10/7/2020 đến ngày ngân hàng trả đầy đủ cho bà Tr.

** Bị đơn Ngân hàng X có ông Lâm Quốc T1, bà Nguyễn Lê Phương T, ông Lê Hồng H1, bà Trần Thị H3 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngân hàng X đã có yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 thay đổi Thẩm phán Nguyễn Thị Hoa, vì Thẩm phán Hoa trước đây đã giải quyết vụ 118 sổ tiết kiệm và có các quyết định không khách quan nhưng yêu cầu này của bị đơn chưa được giải quyết. Ngân hàng X đã có đơn khiếu nại tới Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Ngân hàng X đề nghị tạm dừng phiên tòa để chờ kết quả giải quyết khiếu nại của Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Ngân hàng X có nộp cho Tòa án đơn đề nghị triệu tập ông Trần Quý Z1 tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và thu thập chứng cứ là bản khai của bà Tr, ông Ph, bà D trong vụ án hình sự Phạm Công Z. Vì theo Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT nguồn tiền bà Tr, ông Ph, bà D gửi tiết kiệm là của ông Trần Quý Z1. Vì vậy, bị đơn đề nghị tạm dừng phiên tòa để triệu tập ông Z1 tham gia vụ án.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Kiều Vũ Thụy Uyên có ý kiến như sau:*

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tình tiết, chứng cứ và Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT khẳng định các ông bà Tr, Ph, D không vay tiền, không thế chấp hay cầm cố sổ tiết kiệm tại Ngân hàng X. Các ông bà Tr, Ph, D không ký kết bất kỳ hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp hay cầm cố nào với Ngân hàng X. Việc các ông bà Tr, Ph, D không vay tiền, không thế chấp hay cầm cố sổ tiết kiệm cho Ngân hàng X đã được Bản án hình sự sơ thẩm số 332/2016/HSST và Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT xác định rõ cụ thể:

- Tại trang 118 Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT nêu: Xét thấy khoản vay 300 tỷ đồng vay vào các ngày 20, 21/12/2013 không chứng minh được các ông (bà) Trần Hoài Ph, Ngô Bích Thùy Tr, Nguyễn Thị Mỹ D là người

trực tiếp vay tiền nên Bản án sơ thẩm không buộc những người này hoàn trả tiền vay, mà chỉ buộc bị cáo Phạm Công Z và Tập đoàn TT phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền trên từ hành vi “cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” là có căn cứ.

Tại trang số 129, 130 Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT đã quyết định: “Giải toả kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng X tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần Quý Z1, bà Trần Ngọc Z2 và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 theo đúng quy định pháp luật”. Trong số 124 sổ tiết kiệm trên, có 06 sổ tiết kiệm đứng tên các ông bà Tr, Ph, D nêu trên.

Bản án hình sự sơ thẩm số 332/2016/HSST và Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT quyết định: “Giải toả kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng X tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng được xem là chưa tất toán đối với ông Trần Quý Z1, bà Trần Ngọc Z2 và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 theo đúng quy định pháp luật”. Quyết định này có nghĩa là: (i) Ngân hàng X được quản lý 124 sổ tiết kiệm; (ii) Việc “giải quyết xử lý” 124 sổ tiết kiệm để thu hồi số tiền vay 5.190 tỷ đồng “được xem là chưa tất toán” phải thực hiện theo “đúng quy định của pháp luật”. Trong 124 sổ tiết kiệm này, có sổ tiết kiệm của các ông bà Tr, Ph, D nêu trên.

Theo khoản 7 Điều 3 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm: Tài sản bảo đảm là tài sản mà bên bảo đảm dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với bên nhận bảo đảm. Điều 292 Bộ luật dân sự 2015 quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bao gồm: Cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, đặt cọc, ký cược, ký quỹ, bảo lưu quyền sở hữu, bảo lãnh, tín chấp, cầm giữ tài sản. Ngân hàng chỉ được xử lý tài sản được dùng để bảo đảm cho khoản nợ. Ngân hàng không được xử lý tài sản không phải là tài sản bảo đảm của khoản nợ.

Các ông bà Tr, Ph, D không vay tiền tại Ngân hàng X. Các ông bà Tr, Ph, D cũng không sử dụng sổ tiết kiệm để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào tại Ngân hàng X. Theo quy định pháp luật, Ngân hàng X không được phép xử lý sổ tiết kiệm của các ông bà Tr, Ph, D để thu nợ của bất cứ ai.

Ngoài ra, số tiền 5.190 tỷ đồng được xem là chưa tất toán mà ông Trần Quý Z1, bà Trần Ngọc Z2 và các cá nhân khác vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật, cụ thể Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 1052/2019/KDTM-PT ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có các quyết định liên quan đến việc giải quyết, xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng được xem là chưa tất toán mà ông Trần Quý Z1, bà Trần Ngọc Z2 và các cá nhân khác vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013. Bản án phúc thẩm số 1052/2019/KDTM-

PT này không quyết định gì liên quan đến số tiết kiệm của các ông, bà Tr, Ph D. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Vũ Xuân N có ý kiến như sau:*

Vụ việc đã được giải quyết trong phần nhận định của Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT vì bản án này đã xác định nguyên đơn bà Tr, bà D và ông Ph không phải là chủ sở hữu của 06 sổ tiết kiệm nêu trên. Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT đã giao cho Ngân hàng X xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng vì thế Ngân hàng X được quyền tất toán các sổ tiết kiệm để đảm bảo thi hành án. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án vì các nguyên đơn không có tư cách khởi kiện. Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT đã bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Tr, bà D và ông Ph vì cho rằng nguồn tiền là không phải của các nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 478/2020/KDTM-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Hoài Ph, bà Nguyễn Thị Mỹ D, bà Ngô Bích Thùy Tr.

2. Buộc Ngân hàng TNHH X có nghĩa vụ tất toán các sổ tiết kiệm bao gồm thanh toán số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn ông Trần Hoài Ph, bà Nguyễn Thị Mỹ D, bà Ngô Bích Thùy Tr cụ thể như sau:

2.1. Ông Trần Hoài Ph: 01 sổ tiết kiệm số: CKH 052277 với tổng số tiền là: 143.138.930.821 đồng (trong đó gốc là: 90.000.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 09/7/2020 là: 53.138.930.821 đồng).

2.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ D: 03 sổ tiết kiệm số: CKH 052274, CKH 052275, CKH 052278 với tổng số tiền là: 164.664.993.443 đồng (trong đó gốc là: 103.534.722.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 09/7/2020 là: 61.130.271.443 đồng).

2.3. Bà Ngô Bích Thùy Tr: 02 sổ tiết kiệm số: CKH 052272, CKH 052273 với tổng số tiền là: 174.947.582.117 đồng (trong đó gốc là: 110.000.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 09/7/2020 là: 64.947.582.117 đồng).

Ngân hàng TNHH X tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh trên các sổ tiết kiệm kể từ ngày 10/7/2020 cho đến khi Ngân hàng X thực trả đủ cho ông Ph, bà Tr và bà D.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/7/2020, bị đơn Ngân hàng X có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn Ngân hàng X vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Người

đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày lý do kháng cáo như sau:

- + Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và xét xử lại “sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án”, không đảm bảo hiệu lực của Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT.

- + Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử khi chưa giải quyết khiếu nại việc thay đổi chủ tọa phiên tòa theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- + Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT nhận định nguồn gốc tiền là của ông Trần Quý Z1, nhưng tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông Z1 tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không thu thập tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của bị đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- + Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét 06 sổ tiết kiệm đứng tên các nguyên đơn là tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay vào ngày 20 và 21/12/2013 tại Ngân hàng X theo nhận định của Bản án hình sự sơ thẩm số 332/2016/HSST và Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT là không đúng.

- + Các nguyên đơn không đưa ra được bất cứ tình tiết mới nào so với khi giải quyết vụ án hình sự, không có giấy tờ, chứng từ xác nhận các nguyên đơn đã nộp tiền vào Ngân hàng X để làm sổ tiết kiệm là không chứng minh được yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

- + Cấp sơ thẩm không tính lãi đúng theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước qui định dẫn đến việc tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm đối với 06 sổ tiết kiệm bị chênh lệch 612.508.388 đồng.

- *Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn trình bày:* Không đồng ý và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn, nhưng sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất của các sổ tiết kiệm trên cơ sở các nguyên đơn thống nhất với các tính lãi của bị đơn, với các lý do sau đây:

- + Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án đúng pháp luật, yêu cầu khởi kiện trong vụ án dân sự này chưa được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 332/2016/HSST và Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT.

- + Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Trần Quý Z1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật vì 06 sổ tiết kiệm đứng tên các nguyên đơn, không liên quan đến ông Z1.

- + Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT Tòa án nhận định nguồn tiền của 06 sổ tiết kiệm đứng tên các nguyên đơn bà Tr, bà D và ông Ph là của ông Z1 chỉ là nhận định, Tòa án không tuyên xử 06 sổ tiết kiệm này của ông Z1 hay của ai khác.

- + Căn cứ các quy định của pháp luật cũng như đạo lý thì Ngân hàng X phải hoàn trả tiền gốc và lãi phát sinh của 06 sổ tiết kiệm cho các nguyên đơn.

- + Đồng ý với cách tính lãi và số tiền tính lãi như đại diện Ngân hàng X đưa ra tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật; những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Về nội dung kháng cáo:

- Về tố tụng :

+ Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết khiếu nại việc thay đổi chủ tọa phiên tòa.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Quý Z1 đã có xác nhận không liên quan đến khoản tiền 06 sổ tiết kiệm này nên Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông Z1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh đối với yêu cầu kháng cáo của mình, tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn thống nhất với các tính lãi của bị đơn nên căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về phần lãi suất của các sổ tiết kiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn Ngân hàng X còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Trên cơ sở thừa nhận của các nguyên đơn và bị đơn, phù hợp với Bản án hình sự sơ thẩm số 332/2016/HSST ngày 09/9/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT ngày 24/01/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

- Các nguyên đơn có gửi 06 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng TNHH X – Chi nhánh SG (tên cũ là Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh SG), bao gồm:

+ Bà Ngô Bích Thuý Tr có 02 sổ tiết kiệm gồm: CKH 052272, số tiền gửi là 50.000.000.000 đồng và CKH 052273, số tiền gửi là 60.000.000.000 đồng. Hai sổ tiết kiệm của bà Tr có cùng ngày gửi là 19/12/2013, kỳ hạn 12 tháng, hình thức nhận lãi là hàng tháng, lãi suất 11%/năm.

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ D có 03 sổ tiết kiệm gồm: CKH 052274, số tiền gửi là 2.534.722.000 đồng; CKH 052275, số tiền gửi là 100.000.000.000 đồng; CKH 052278, số tiền gửi là 1.000.000.000 đồng. Ba sổ tiết kiệm của bà D có cùng ngày gửi là 19/12/2013, kỳ hạn 12 tháng, hình thức nhận lãi là hàng tháng, lãi suất 11%/năm.

+ Ông Trần Hoài Ph có 01 sổ tiết kiệm số CKH 052277, số tiền gửi là 90.000.000.000 đồng, ngày gửi là 19/12/2013, kỳ hạn 12 tháng, hình thức nhận lãi là hàng tháng, lãi suất 11%/năm.

- Ngày 27/02/2017 Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thi hành Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT đã ban hành Quyết định thi hành án chủ động số 934/QĐ-CTHADS giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng X tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần Quý Z1, bà Trần Ngọc Z2 và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 theo đúng quy định của pháp luật (Trong đó có 06 sổ tiết kiệm của bà Tr, bà D và ông Ph). Hiện nay, 06 sổ tiết kiệm của bà Tr, bà D và ông Ph đang do Ngân hàng X quản lý.

[3] Về nội dung kháng cáo của bị đơn Ngân hàng X, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[3.1] Thứ nhất, bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và xét xử lại “sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án”, không đảm bảo hiệu lực của Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Việc các nguyên đơn bà Tr, bà D, ông Ph có gửi 06 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng X là quan hệ dân sự phát sinh từ hoạt động ngân hàng theo quy định tại điểm a khoản 12, khoản 13 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung một số điều năm 2017. Theo các đơn khởi kiện, các nguyên đơn yêu cầu ngân hàng hoàn trả gốc và lãi của các sổ tiết kiệm là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh giữa ngân hàng với khách hàng về việc nhận tiền gửi. Đây là tranh chấp hợp đồng tiền gửi theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, khi thụ lý, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp đòi lại sổ tiết kiệm, là chưa phù hợp quy định của pháp luật cần được xác định lại cho đúng.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 332/2016/HSST và tại Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT đều tuyên: “*Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng X tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần Quý Z1, bà Trần Ngọc Z2 và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 theo đúng quy định của pháp luật*” là việc xử lý vật chứng trong vụ án hình sự theo quy định tại Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2003. Tại hai bản án này, Tòa án chưa giải quyết tranh chấp dân sự giữa ngân hàng với khách hàng về tranh chấp hợp đồng tiền gửi.

- Theo đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Tr, bà D, ông Ph là đúng quy định của pháp luật, không thuộc trường hợp “sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án”, không ảnh hưởng đến việc thi hành Bản án hình sự

phúc thẩm số 30/2017/HSPT. Vì vậy, nội dung kháng cáo này của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Thứ hai, bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử khi chưa giải quyết khiếu nại, không triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không thu thập tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của bị đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Hồ sơ vụ án thể hiện, tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn có yêu cầu thay đổi Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án vì cho rằng Thẩm phán Nguyễn Thị Hoa đã giải quyết vụ án dân sự liên quan đến 118 sổ tiết kiệm (trong số 124 sổ tiết kiệm theo Bản án hình sự sơ thẩm số 332/2016/HSST và Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT) lại tiếp tục giải quyết vụ án dân sự liên quan đến 06 sổ tiết kiệm còn lại trong số 124 sổ tiết kiệm sẽ không đảm bảo tính vô tư khách quan khi đánh giá chứng cứ, cũng như lập luận, nhận định sẽ bị định kiến, theo lối mòn. Hồ sơ vụ án cũng thể hiện Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân Quận 3 đã có Quyết định số 225/2020/QĐST-KDTM ngày 02/7/2020 không chấp nhận yêu cầu thay đổi Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án của bị đơn với lý do: *“Nội dung của hai vụ kiện giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng và hợp đồng tiền gửi với những nguyên đơn khác nhau theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng tiền gửi khác nhau, không thuộc các trường hợp phải thay đổi thành viên Hội đồng xét xử (chủ tọa phiên tòa) theo quy định tại Điều 53 Bộ luật Tố tụng dân sự”*. Quyết định giải quyết khiếu nại này của Tòa án cấp sơ thẩm là quyết định cuối cùng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 332/2016/HSST và tại Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT đã thể hiện lời khai hợp pháp của các nguyên đơn bà Tr, bà D, ông Ph trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, các tình tiết có liên quan đến 06 sổ tiết kiệm đang tranh chấp trong vụ án này và đã có quyết định về việc xử lý vật chứng đối với 124 sổ tiết kiệm (trong đó có 06 sổ tiết kiệm đang tranh chấp trong vụ án này). Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của bị đơn là có cơ sở, đúng pháp luật.

- Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông Trần Quý Z1 đã có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn như sau: *“Tôi không có liên quan, không phải là chủ sở hữu các sổ tiết kiệm mang tên Ngô Bích Thùy Tr, Nguyễn Thị Mỹ D, Trần Hoài Ph trong vụ kiện. Do tôi không liên quan đến vụ kiện nên tôi đề nghị Tòa không xác định tôi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đề nghị Tòa căn cứ vào hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật”*. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Trần Quý Z1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với ý kiến của ông Z1, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Thứ ba, bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét 06 sổ tiết kiệm đứng tên các nguyên đơn là tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay vào ngày 20 và 21/12/2013 tại Ngân hàng X theo nhận định của Bản án hình sự sơ thẩm số 332/2016/HSST và Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT là không đúng, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Tại trang 118 của Bản án hình sự sơ thẩm số 332/2016/HSST nhận định như sau: *“Đối với 300 tỷ đồng cho vay không có hồ sơ vay, chuyển tiền không có ủy nhiệm chi dù tại Tòa án bị cáo Kh khai là cho khác hàng nợ chữ ký chữ hoàn toàn được sự đồng thuận của khách hàng nhưng phía các ông bà Trần Hoài Ph, Ngô Bích Thùy Tr, Nguyễn Thị Mỹ D được xác định là các khách hàng vay đã phủ nhận điều này ngoài ra cũng không có đủ chứng cứ chứng minh về việc có sự chấp thuận vay tiền của các cá nhân này do đó không thể xem đây là các khoản vay của ông bà này như đã lập luận ở trên. Bên cạnh đó số tiền sau khi rút ra đều được chuyển về Công ty TNHH Tập đoàn TT, bị cáo Phạm Công Z sử dụng. Do đó, việc Ngân hàng X ghi nhận số nợ đối với 03 cá nhân này là không phù hợp nên cần phải xóa bỏ việc ghi nợ với các cá nhân này”*.

- Tại trang 229 của Bản án hình sự sơ thẩm số 332/2016/HSST tuyên: *“Giao toàn bộ các sổ tiết kiệm trên cho Ngân hàng X cùng ông Trần Quý Z1, nhóm bà Trần Thị Ngọc Z2 giải quyết xử lý số tiền được xem là chưa tất toán là 5.190 tỷ đồng của khoản vay các ngày 21/6, 26/7 và 30/7 theo đúng quy định của pháp luật”*.

- Theo đó, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 332/2016/HSST, Tòa án cấp sơ thẩm (vụ án hình sự) đã xác định các nguyên đơn bà Tr, bà D, ông Ph và Ngân hàng X không phát sinh khoản vay 300 tỷ đồng. Đồng nghĩa là, các nguyên đơn không phát sinh nghĩa vụ phải đảm bảo khoản vay 300 tỷ đồng bằng 06 sổ tiết kiệm. Vì vậy, việc Tòa án quyết định giao toàn bộ các sổ tiết kiệm (124 sổ tiết kiệm, trong đó có 06 sổ tiết kiệm đứng tên các nguyên đơn) cho Ngân hàng X quản lý để đảm bảo việc xử lý số tiền được xem là chưa tất toán là 5.190 tỷ đồng của khoản vay các ngày 21/6/2013, 26/7/2013 và 30/7/2013 phải theo đúng quy định của pháp luật. Nghĩa là, khi xử lý, các bên liên quan hoặc Tòa án có thẩm quyền phải xem xét, đánh giá trong 124 sổ tiết kiệm thì sổ tiết kiệm nào là tài sản bảo đảm cho khoản vay nào theo quy định của pháp luật, chứ không mặt nhiên hiểu là 124 sổ tiết kiệm (trong đó có 06 sổ tiết kiệm đứng các nguyên đơn) đều là tài sản đảm bảo cho việc xử lý khoản vay 5.190 tỷ đồng.

- Tại trang 118 của Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT nhận định: *“Xét thấy đối với khoản vay 300 tỷ đồng vào các ngày 20-21/12/2013, không chứng minh được các ông (bà) Trần Hoài Ph, Ngô Bích Thùy Tr, Nguyễn Thị Mỹ D là người trực tiếp vay tiền nên bản án sơ thẩm không buộc những người này phải hoàn trả lại số tiền vay, mà chỉ buộc bị cáo Phạm Công Z và Tập đoàn TT phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền trên từ hành vi “Cố ý làm trái quy định Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, là có căn cứ. Tuy nhiên, nguồn tiền để lập 06 sổ tiết kiệm của các ông (bà) Trần Hoài Ph, Ngô Bích Thùy Tr, Nguyễn Thị Mỹ D là của ông Trần Quý Z1. Bởi theo lời khai*

của các ông (bà) Trần Hoài Ph, Ngô Bích Thùy Tr, Nguyễn Thị Mỹ D, Trần Quý Z1 thừa nhận ông Trần Quý Z1 là người được hưởng phần tiền lãi phát sinh từ 06 sổ tiết kiệm nêu trên. Xét về bản chất số tiền trong 06 sổ tiết kiệm là của ông Trần Quý Z1; nên bản án sơ thẩm giao 06 sổ tiết kiệm trên cho Ngân hàng X tiếp tục quản lý, để đảm bảo việc giải quyết xử lý khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 nêu trên là phù hợp. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của các ông (bà) Trần Hoài Ph, Ngô Bích Thùy Tr, Nguyễn Thị Mỹ D đối với 06 sổ tiết kiệm này”.

- Theo đó, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT Tòa án cấp phúc thẩm (vụ án hình sự) cũng xác định các nguyên đơn bà Tr, bà D, ông Ph và Ngân hàng X không phát sinh khoản vay 300 tỷ đồng. Đồng nghĩa là, các nguyên đơn không phát sinh nghĩa vụ phải đảm bảo khoản vay 300 tỷ đồng bằng 06 sổ tiết kiệm. Nhưng, Tòa án cấp phúc thẩm (vụ án hình sự) có nhận định bổ sung rằng, nguồn tiền để lập 06 sổ tiết kiệm đứng tên các nguyên đơn là của ông Trần Quý Z1 trên cơ sở lời khai của các nguyên đơn và ông Z1 thừa nhận ông Z1 là người được hưởng phần tiền lãi phát sinh từ 06 sổ tiết kiệm. Tuy nhiên, việc nhận định thêm này không đồng nghĩa rằng Tòa án cấp phúc thẩm (vụ án hình sự) xác định các nguyên đơn phát sinh nghĩa vụ phải đảm bảo cho khoản vay 300 tỷ đồng hay cho khoản vay 5.190 tỷ đồng bằng 06 sổ tiết kiệm. Bởi lẽ, Tòa án cấp phúc thẩm (vụ án hình sự) vẫn xử lý 124 sổ tiết kiệm như Tòa án cấp sơ thẩm (vụ án hình sự). Trong trường hợp này, phải hiểu rằng, khi xem xét nghĩa vụ bảo đảm của ông Z1 cho khoản vay 5.190 tỷ đồng, các bên liên quan hoặc Tòa án có thẩm quyền sẽ xem xét, đánh giá 06 sổ tiết kiệm đứng tên các nguyên đơn có phải là tài sản của ông Z1 hay không, chứ không được xác định 06 sổ tiết kiệm đứng tên các nguyên đơn là tài sản đảm bảo cho khoản vay 5.190 tỷ đồng.

- Trong vụ án dân sự này, các nguyên đơn bà Tr, bà D, ông Ph chỉ yêu cầu Ngân hàng X tắt toán, hoàn trả gốc và lãi của 06 sổ tiết kiệm họ đang đứng tên, không liên quan đến việc xác định 06 sổ tiết kiệm này có phải là của ông Z1 hay không. Điều này cũng phù hợp với lời trình bày của ông Z1 tại Tòa án cấp phúc thẩm đã nêu trên.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 1052/2019/KDTM-PT ngày 19/11/2019 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tách yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 266.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.187.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 và Hợp đồng tín dụng số 040.187.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 của ông Nguyễn Hoàng Ch thành một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng X cho rằng có thể không thu hồi khoản tiền này do ông Ch không có tài sản để thi hành án. Tuy nhiên, tại Công văn số 11456/CV-CTHADS ngày 22/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện việc ông Phan Vũ T3 là người được thi hành án theo Bản án dân sự phúc thẩm số 1052/2019/KDTM-PT có đơn đề nghị Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh khi tổ chức thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 1052/2019/KDTM-PT thì thực hiện việc chi trả số tiền 266.000.000.000 đồng cho Ngân hàng X bằng cách cân trừ số tiền mà ông Phan Vũ T3 và bà Đỗ Ngọc H3 được nhận tại Bản án dân sự phúc thẩm

số 1052/2019/KDTM-PT theo tỷ lệ ông Phan Vũ T3 50%, bà Đỗ Ngọc H3 50%; hiện nay Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh chưa có cơ sở tổ chức thi hành được do đề nghị cản trừ tiền của ông T3, bà H3 liên quan đến ông Nguyễn Hoàng Ch mà quyền, nghĩa vụ của ông Ch chưa được Tòa án xem xét. Xét, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a Luật Thi hành án dân sự Điều 2 năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Nếu không muốn khởi kiện yêu cầu ông Ch thanh toán số tiền 266 tỷ theo như Bản án dân sự phúc thẩm số 1052/2019/KDTM-PT thì khi thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 1052/2019/KDTM-PT Ngân hàng X có quyền đồng ý với ý kiến của ông Phan Vũ T3 để cản trừ số tiền 266 tỷ nói trên. Điều này cùng với việc tại Bản án dân sự phúc thẩm số 1052/2019/KDTM-PT đã giải quyết cản trừ được số tiền gốc 4.924 tỷ đồng, là cơ sở để đảm bảo cho việc xử lý khoản vay 5.190 tỷ đồng. Vì vậy, nội dung kháng cáo này của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Trên cơ sở thừa nhận của các đương sự, phù hợp với Bản án hình sự sơ thẩm số 332/2016/HSST, Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định các nguyên đơn bà Tr, bà D, ông Ph có gửi 06 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng X như các nguyên đơn trình bày và đây là quan hệ hoàn toàn hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận và theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở sự thống nhất của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, số tiền gốc và lãi phát sinh của 06 sổ tiết kiệm tính đến ngày 09/7/2020 như sau:

- Ông Trần Hoài Ph: 01 sổ tiết kiệm số: CKH 052277 với tổng số tiền là: 142.957.318.139 đồng (trong đó gốc là: 90.000.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 09/7/2020 là: 52.957.318.139 đồng).

- Bà Nguyễn Thị Mỹ D: 03 sổ tiết kiệm số: CKH 052274, CKH 052275, CKH 052278 với tổng số tiền là: 164.456.068.792 đồng (trong đó gốc là: 103.534.722.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 09/7/2020 là: 60.921.346.792 đồng).

- Bà Ngô Bích Thùy Tr: 02 sổ tiết kiệm số: CKH 052272, CKH 052273 với tổng số tiền là: 174.725.611.061 đồng (trong đó gốc là: 110.000.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 09/7/2020 là: 64.725.611.061 đồng).

Ngày 19/12/2013 Ngân hàng X nhận tiền gửi của các nguyên đơn bà Tr, bà D, ông Ph dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, hình thức nhận lãi là hàng tháng, lãi suất 11%/năm (sổ tiết kiệm). Đến nay các sổ tiết kiệm đã quá hạn, các nguyên đơn là người gửi tiền yêu cầu Ngân hàng X tất toán các sổ tiết kiệm, thanh toán đủ gốc và lãi theo thỏa thuận là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 13 Điều 4, khoản 2 Điều 10 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung một số điều năm 2017. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn cho rằng các nguyên đơn không chứng minh được yêu cầu khởi kiện của

mình là có căn cứ và hợp pháp, là không có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi đối chiếu lại, các nguyên đơn thống nhất với các tính lãi của bị đơn, đồng ý thay đổi số liệu về số tiền gốc và lãi phát sinh của 06 sổ tiết kiệm tính đến ngày 09/7/2020 khác so với tại phiên tòa sơ thẩm nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm do có tình tiết mới.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự ;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TNHH X.

Sửa bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Hoài Ph, bà Nguyễn Thị Mỹ D, bà Ngô Bích Thùy Tr.

2. Buộc Ngân hàng TNHH X có nghĩa vụ tất toán các sổ tiết kiệm bao gồm thanh toán số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn ông Trần Hoài Ph, bà Nguyễn Thị Mỹ D, bà Ngô Bích Thùy Tr cụ thể như sau:

2.1. Ông Trần Hoài Ph: 01 sổ tiết kiệm số: CKH 052277 với tổng số tiền là: 142.957.318.139 đồng (trong đó gốc là: 90.000.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 09/7/2020 là: 52.957.318.139 đồng).

2.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ D: 03 sổ tiết kiệm số: CKH 052274, CKH 052275, CKH 052278 với tổng số tiền là: 164.456.068.792 đồng (trong đó gốc là: 103.534.722.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 09/7/2020 là: 60.921.346.792 đồng).

2.3. Bà Ngô Bích Thùy Tr: 02 sổ tiết kiệm số: CKH 052272, CKH 052273 với tổng số tiền là: 174.725.611.061 đồng (trong đó gốc là: 110.000.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 09/7/2020 là: 64.725.611.061 đồng).

Ngân hàng TNHH X tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh trên các sổ tiết kiệm kể từ ngày 10/7/2020 cho đến khi Ngân hàng TNHH X thực trả đủ cho ông Ph, bà Tr và bà D.

3. Về án phí:

Ngân hàng TNHH X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 590.138.998 đồng.

Hoàn trả cho ông Trần Hoài Ph số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2012/08589 ngày 23/10/2014 và số tiền 121.965.637 đồng (Một trăm hai mươi một triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm ba mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0014848 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2012/08590 ngày 23/10/2014 và số tiền 132.186.703 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu một trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm lẻ ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0014847 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Ngô Bích Thùy Tr số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2012/08591 ngày 23/10/2014 và số tiền 137.069.111 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi chín ngàn một trăm mười một đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0014846 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho Ngân hàng TNHH X số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0007701 ngày 20/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Quốc Thịnh